Câu 1.

Dấu phẩy thích hợp điền vào vị trí nào trong câu sau?

Mẹ dẫn em (1) đi (2) siêu thị mua bút, thước (3) cặp sách để chuẩn bị (4) cho năm học mới.

A. Vị trí số (1)

B. Vị trí số (3)

C. Vị trí số (2)

D. Vị trí số (4)

Câu 2.

Đọc đoạn trích sau và cho biết bạn nhỏ cảm thấy như thế nào khi nhìn những chùm quả xoài to, chín vàng?

Ông em trồng cây xoài cát này trước sân khi em còn đi lẫm chẫm. Cuối đông, hoa nở trắng cành. Đầu hè, quả sai lúc lỉu. Trông từng chùm quả to, đu đưa theo gió, em càng nhớ ông. Mùa xoài nào, mẹ em cũng chọn những quả chín vàng và to nhất bày lên bàn thờ ông.

(Theo Đoàn Giỏi)

A. Bạn nhỏ cảm thấy hào hứng.

B. Bạn nhỏ cảm thấy thất vọng.

C. Bạn nhỏ cảm thấy nhớ ông.

D. Bạn nhỏ cảm thấy vui mừng.

Câu 3.

Dòng nào dưới đây có thể kết thúc bằng dấu chấm?

A. Cậu đã đi Cô Tô bao giờ chưa

B. Bố chở bé đến trường vào mỗi sáng

C. Cậu có đi tập hát với bọn tớ không

D. Cậu có thích ăn canh cua không

Câu 4.

Trong bức thư dưới đây, bạn Lan Nhi đã chúc bạn Thanh Hoa điều gì?

A close up of a text

Description automatically generated

A. Mạnh khoẻ, rèn luyện tốt

B. Vui vẻ, học tập tốt

C. Có thêm nhiều người bạn mới

D. Đạt danh hiệu Học sinh Giỏi

Câu 5.

Từ ngữ nào dưới đây viết sai chính tả?

A. quả na

B. tính nết

C. chiếc lá

D. ngọn nửa

Câu 6.

Những hoạt động nào có trong bức tranh sau?

A group of people on a beach

Description automatically generated

[[thả diều]]

A. đá cầu

[[đánh bóng]]

B. thả diều

[[chụp ảnh]]

C. đọc sách

[[ ]]

D. chụp ảnh

[[ ]]

E. đánh bóng

Câu 7.

Từ ngữ nào dưới đây chỉ đồ dùng học tập?

A. cái thớt

B. tủ lạnh

C. điện thoại

D. cục tẩy

Câu 8.

Đáp án nào dưới đây là tục ngữ?

A. Uống thuốc nhớ nguồn.

B. Uống nước nhớ người.

C. Uống nước nhớ nhà.

D. Uống nước nhớ nguồn.

Câu 9.

Từ ngữ nào dưới đây không cùng nhóm với các từ còn lại?

A. thú vị

B. sâu sắc

C. nhẹ nhàng

D. đọc sách

Câu 10.

Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống trong câu văn sau:

Các bạn học sinh ai nấy đều (...) khi nghe cô giáo nhắc tới chuyến tham quan.

A. xinh xắn

B. tốt bụng

C. hào hứng

D. khó khăn

Câu 11.

Hình ảnh sau có thể minh hoạ cho câu thơ nào dưới đây?

A house in the woods at night

Description automatically generated

A. Ánh nắng vừa chiếu toả

Nhựa náo nức lên cây.

B. Bà ngồi yên rất lâu

Bóng tạc lên vách đất.

C. Nắng trải lụa ra phơi

Dọc đường em tới lớp.

D. Ông trăng tròn sáng tỏ

Soi rõ sân nhà em.

Câu 12.

Câu tục ngữ nào dưới đây nói về tình cảm gia đình?

A. Của bền tại người.

B. Sức khoẻ là vàng.

C. Có chí thì nên.

D. Chị ngã em nâng.

Câu 13.

Câu nào dưới đây thích hợp để miêu tả khung cảnh thiên nhiên trong đoạn phim sau?

((Video)): Khoi 2/3 - Ôn luyện Trạng Nguyên Tiếng Việt - Khối 2 Năm học 2024 - 2025/2 - Ôn luyện vòng 2 - 2024 - 2025.html

Pause

Play

A. Trên những tán lá xanh rì trong khu rừng, đàn chim nhỏ thích thú cất tiếng hót.

B. Bình minh lên, mấy tia nắng tinh nghịch, nhảy nhót trên những tán lá xanh mướt.

C. Khu rừng như được khoác thêm chiếc áo vàng khi thu đến.

D. Những chiếc lá phong đỏ rụng đầy con đường dẫn vào rừng.

Câu 14.

Nghe và cho biết đoạn thơ sau viết về mùa nào?

((Audio))

A. mùa đông

B. mùa thu

C. mùa xuân

D. mùa hạ

Câu 15.

Giải câu đố sau:

Trái gì mọc ở trong người

Đập đều từng nhịp giữa đời yêu thương?

A. trái dâu

B. trái tim

C. trái cam

D. trái táo

Câu 16.

Điền số thích hợp vào chỗ trống:

Cây chuối nghiêng cả thân mình

Cõng cho buồng quả to kềnh không rơi

Cây cau chót vót lưng trời

Dẫu mỏi cổ vẫn không rời đàn con

Quả chuối chín cho ngọt thơm

Quả cau tô đỏ môi son cho bà.

(Theo Lê Hồng Thiện)

Đoạn thơ trên nhắc tới [[2]] loại cây.

Câu 17.

Nghe và điền từ còn thiếu vào chỗ trống để hoàn thành đoạn thơ sau:

((Audio))

Hương rừng thơm đồi vắng

Nước suối [[róc rách]] thầm thì...

Cọ xoè ô che nắng

Râm mát đường em đi.

(Theo Hoàng Minh Chính)

Câu 18.

Điền "ch" hoặc "tr" thích hợp vào chỗ trống:

quả [[ch]] uối

mặt [[tr]] ăng

Câu 19.

Điền "l" hoặc "n" thích hợp vào chỗ trống trong câu văn sau:

Chiếc thuyền giấy trôi [[l]] ênh đênh trên mặt [[n]] ước.

Câu 20.

Điền từ còn thiếu vào chỗ trống để hoàn thành thành ngữ sau:

Nhà [[cao]] cửa rộng

Câu 21.

Điền số thích hợp vào chỗ trống:

Cuối tuần, Minh đã đọc hết số sách mà bố tặng.

Trong câu văn trên có [[1]] từ chỉ đồ vật.

Câu 22.

Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Mấy cánh hồng khẽ dung lên trong gió như vẫy tay chào đàn bướm tới chơi.

Câu văn trên có từ [[dung]] viết sai chính tả, sửa lại là [[rung]].

Câu 23.

Điền dấu câu thích hợp vào chỗ trống trong đoạn văn miêu tả bức tranh sau:

A group of kids playing in a park

Description automatically generated

Cuối tuần, các bạn nhỏ được đi chơi công viên [[.]] Không khí ở đây mới trong lành làm sao! Trên thảm cỏ xanh mướt, Tú [[,]] Vy và My chơi thả diều [[,]] nhảy dây [[,]] đạp xe thoả thích. Ai cũng hào hứng, gương mặt ánh lên niềm vui.

Câu 24.

Hãy ghép hình ảnh với tên đồ vật thích hợp.

 ).png [(khăn choàng)]

 ).png [(mũ len)]

A pair of red gloves

Description automatically generated [(găng tay)]

Câu 25.

Hãy ghép các từ ở hai vế để tạo thành cặp từ có nghĩa giống nhau.

dứa [(thơm)]

thìa [(muỗng)]

hổ [(cọp)]

Câu 26.

Hãy ghép các từ ở cột bên trái với nội dung thích hợp ở cột bên phải để tạo thành câu hoàn chỉnh.

bảo ban [(Bà nội luôn (...) chúng em những điều hay lẽ phải.)]

bảo vệ [(Những người chiến sĩ đã anh dũng hi sinh để (...) đất nước.)]

bảo bối [(Bố nói ba chị em luôn là (...) của bố mẹ.)]

Câu 27.

Hãy ghép hai vế với nhau để tạo thành câu tục ngữ hoàn chỉnh.

Có chí [(thì nên.)]

Uống nước [(nhớ nguồn.)]

Ở hiền [(gặp lành.)]

Câu 28.

Kéo thả các từ ngữ sau vào nhóm thích hợp.

Lưu ý: Với những từ ngữ không thuộc nhóm nào, em không xếp.

điện thoại

cây bàng

máy tính

ti vi

con suối

hồng hào

loa kèn

hướng dương

gấu trúc

ngựa vằn

bằng lăng

sư tử

Dưới đây là các nhóm:

Từ ngữ chỉ các loài hoa [[loa kèn || hướng dương || bằng lăng]], [[loa kèn || hướng dương || bằng lăng]], [[loa kèn || hướng dương || bằng lăng]]

Từ ngữ chỉ con vật [[gấu trúc || ngựa vằn || sư tử]], [[gấu trúc || ngựa vằn || sư tử]], [[gấu trúc || ngựa vằn || sư tử]]

Từ ngữ chỉ đồ vật [[điện thoại || máy tính || ti vi]], [[điện thoại || máy tính || ti vi]], [[điện thoại || máy tính || ti vi]]

Câu 29.

Kéo thả các từ ngữ sau vào nhóm thích hợp.

Lưu ý: Với những từ ngữ không thuộc nhóm nào, em không xếp.

lao công

mặt trời

áo len

giáo viên

bút mực

Âm nhạc

học sinh

cây cối

Tiếng Việt

thước kẻ

Mĩ thuật

keo dán

Dưới đây là các nhóm:

Từ ngữ chỉ đồ dùng học tập [[bút mực || thước kẻ || keo dán]], [[bút mực || thước kẻ || keo dán]], [[bút mực || thước kẻ || keo dán]]

Từ ngữ chỉ tên các môn học [[Âm nhạc || Tiếng Việt || Mĩ thuật]], [[Âm nhạc || Tiếng Việt || Mĩ thuật]], [[Âm nhạc || Tiếng Việt || Mĩ thuật]]

Từ ngữ chỉ người ở trường học [[lao công || giáo viên || học sinh]], [[lao công || giáo viên || học sinh]], [[lao công || giáo viên || học sinh]]

Câu 30.

Sắp xếp các tiếng sau thành câu hoàn chỉnh.

em

đi

Chúng

bóng.

đá

[(Chúng)] [(em)] [(đi)] [(đá)] [(bóng)].